TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T NAM** TỈNH NINH T	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 22/2024/QĐST-DS	*T Nam, ngày 07 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc các đương sự thoả T được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 35/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 và Bản trình bày ý kiến ngày 30 tháng 5 năm 2024 của ông Trần Mộc H1.

XÉT THẤY:

Các thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả T giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải có ý kiến đồng ý biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả T của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 2, đường Láng Hạ, phường TC, quận BĐ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Toàn V - chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Trượng Xuân Vân - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – CN B.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trượng Xuân V: Nguyễn Xuân Thái - chức vụ: Trưởng phòng

- Bị đơn: bà Nguyễn Thị Bạch H, sinh năm 1958; ông Trần Mộc H1, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: thôn Lạc Nghiệp 01, xã Cà Ná, huyện T Nam, tỉnh Ninh T.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, gồm:

+ Anh Trần Quốc T, sinh năm 1982;

+ Chị Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1985;

+ Anh Trần Quốc T3, sinh năm 1986

+ Anh Trần Mộc Minh T4, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: thôn Lạc Nghiệp 01, Cà Ná, T Nam, Ninh T.

2. Sự thoả T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các đương sự, Ngân hàng A và bị đơn vợ chồng ông Trần Mộc H1, bà Nguyễn Thị Bạch H và Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các con ông H1, bà H gồm: anh Trần Quốc T; chị Trần Thị Thanh T1; anh Trần QuThaHT3

và anh Trần Mộc Minh T4, cùng thống nhất:

Ngân hàng A và bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch H, ông Trần Mộc H1 xác nhận tính đến ngày 24/5/2024, vợ chồng ông Trần Mộc H1, bà Nguyễn Thị Bạch H còn nợ và đồng ý trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền: 529.787.471 đồng *(bằng chữ: Năm trăm hai mươi chín triệu, bảy trăm tám mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi mốt đồng)*, trong đó gồm: Dư nợ gốc là 349.769.237 đồng; Nợ lãi trong hạn là 176.472.628 đồng; Nợ lãi quá hạn là 3.545.606 đồng và tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa T trong Hợp đồng tín dụng số 212839633/HĐTD ngày 15/03/2018.

Kể từ ngày 25/5/2024, vợ chồng ông Trần Mộc H1, bà Nguyễn Thị Bạch H còn pH1 chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa T trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa T về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay, thì lãi suất mà khách hàng vay pH1 thanh toán cho ngân hàng vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

Ngân hàng A và vợ chồng ông Trần Mộc H1, bà Nguyễn Thị Bạch H và các con của ông H1, bà H gồm: anh Trần Quốc T; chị Trần Thị Thanh T1; anh Trần Quốc T3 và anh Trần Mộc Minh T4 cùng thống nhất đồng ý tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1014912A/HĐTC ngày 07/01/2013, để đảm bảo thi hành án.

2.2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Vợ chồng ông Trần Mộc H1, bà Nguyễn Thị Bạch H đồng ý chịu 1.500.000 đồng *(bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng)* chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong vụ án này. Do Ngân hàng A đã nộp tạm ứng chi phí này nên ông Trần Mộc H1, bà Nguyễn Thị Bạch H đồng ý hoàn trả toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ này cho Ngân hàng.

2.3. Về án phí: Do vợ chồng ông Trần Mộc H1, bà Nguyễn Thị Bạch H là người cao tuổi, đã có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này.

Ngân hàng A không pH1 chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng A 12.463.508 đồng *(bằng chữ: Mười hai triệu, bốn trăm sáu mươi ba nghìn, năm trăm lẽ tám đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002331 ngày 19/4/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện T Nam, tỉnh Ninh T.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH1 thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện T Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Tâm